

**CÔNG TY CỔ PHẦN AI ROBOTIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN AI ROBOTIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AI ROBOTIC JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109053659

**3. Ngày thành lập:** 06/01/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 ngách 88/3 phố Sơn Tây, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 097 8080 600

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                                                         | 7212(Chính) |
| 2.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                       | 7213        |
| 3.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                   | 7214        |
| 4.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                                                        | 7221        |
| 5.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                      | 7222        |
| 6.  | Hoạt động nhiếp ảnh                                                                                                                                                                                                               | 7420        |
| 7.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động khí tượng thủy văn; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu; Dịch vụ chuyển giao công nghệ | 7490        |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                               | 4651        |
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                | 4652        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                            | 4653        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                         | 4659        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 13. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                            | 4741        |

|     |                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4773 |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                        | 4791 |
| 16. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                              | 5820 |
| 17. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet                                                                | 6190 |
| 18. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                          | 6201 |
| 19. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                            | 6202 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                | 6209 |
| 21. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                             | 6311 |
| 22. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                       | 7020 |
| 23. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                       | 7320 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                 | 7410 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty sản xuất, kinh doanh. | 8299 |
| 26. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                     | 9512 |
| 27. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                   | 9521 |
| 28. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                            | 9522 |
| 29. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                   | 7211 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                 | 7730 |
| 31. | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                     | 2610 |
| 32. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                      | 2620 |
| 33. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                 | 2630 |
| 34. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                             | 2640 |
| 35. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                 | 2651 |
| 36. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                         | 2660 |
| 37. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                         | 2670 |
| 38. | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                        | 2680 |
| 39. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                 | 2710 |
| 40. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                            | 2731 |
| 41. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                         | 2732 |
| 42. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                        | 2733 |
| 43. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                              | 2740 |
| 44. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                      | 2750 |
| 45. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                    | 2790 |

|     |                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                     | 2812 |
| 47. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén              | 2818 |
| 48. | Sản xuất máy thông dụng khác                                       | 2819 |
| 49. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                             | 2821 |
| 50. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                      | 2822 |
| 51. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                      | 2829 |
| 52. | Sản xuất mô tô, xe máy                                             | 3091 |
| 53. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ | 4783 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông            | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN VIROBO | TT15-B4 (164) Khu đô thị Văn Quán – Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 3.000.000.000         | 50,000    | 0107947153                                                                                  |         |
|     |                        |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                        |                                                                                                         | Tổng số                   | 30.000     | 3.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                                                      |                           |        |               |        |              |
|---|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|---------------|--------|--------------|
| 2 | LÊ HUY LONG  | Căn F, Tầng 27, tòa nhà Bình Vượng, Số 200 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 14.000 | 1.400.000.000 | 23,340 | 031148955    |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Tổng số                   | 14.000 | 1.400.000.000 | 23,340 |              |
| 3 | ĐAN TUẤN ANH | Số 61, ngõ 302, đường Láng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông         | 8.000  | 800.000.000   | 13,330 | 013339019    |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Tổng số                   | 8.000  | 800.000.000   | 13,330 |              |
| 4 | ĐẬU THÚY HÀ  | Số 27, ngõ 178, đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 8.000  | 800.000.000   | 13,330 | 001167002477 |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |              |                                                                                                                      | Tổng số                   | 8.000  | 800.000.000   | 13,330 |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ HUY LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031148955

Ngày cấp: 18/07/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hải Phòng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn F, Tầng 27, tòa nhà Bình Vượng, Số 200 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn F, Tầng 27, tòa nhà Bình Vượng, Số 200 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội